

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 9 năm 2015

Số: 271/QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với
doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 170/TTr-SKH ngày 15 tháng 8 năm 2015 về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, đơn vị chức năng có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quy chế phối hợp nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: 

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài phát thanh truyền hình; Báo Tuyên Quang;
- TP, PTP, NCTH;
- Lưu: VT (Hung 80).

(Báo cáo)



Phạm Minh Huân

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 271/QĐ-UBND ngày 1 tháng 9 năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (Sau đây gọi chung là cấp huyện).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp.
2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.
3. *Công khai thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp* là việc thanh tra theo quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan chức năng* là các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp* là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

2. Phản ánh kịp thời và chính xác các thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; cung cấp, công khai thông tin về doanh nghiệp.

3. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp gây ra cho xã hội.

4. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng đối với tất cả các doanh nghiệp.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan chức năng. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn tương ứng. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm trao đổi, phúc đáp theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp như việc đăng ký tên của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, thông tin liên quan đến cá nhân của người thành lập, quản lý doanh nghiệp,...

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu việc ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu, những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ vào ngày thứ hai hàng tuần, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp (gồm các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin về ngành, nghề kinh doanh, danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, thông tin về đơn vị trực thuộc doanh nghiệp đã đăng ký) và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của tuần liền trước đó đến địa chỉ hòm thư điện tử của Cục thuế, Cục Thống kê, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh. Các

cơ quan nêu trên có trách nhiệm sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, không được yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin mà Sở Kế hoạch và Đầu tư đã gửi.

- Định kỳ ngày 05 hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp (gồm các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin về ngành, nghề kinh doanh, danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, thông tin về đơn vị trực thuộc doanh nghiệp đã đăng ký) và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong tháng liền trước đó đến địa chỉ hòm thư điện tử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp (yêu cầu phải bằng văn bản). Nội dung cung cấp thông tin trong phạm vi quy định tại Quy chế này và nguồn thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp;

c) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ quan chức năng cung cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Định kỳ trước ngày 03 hàng tháng, Cục Thuế gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thông tin về tình trạng hoạt động doanh nghiệp. Thông tin bao gồm: doanh nghiệp đang hoạt động, ngừng hoạt động kinh doanh (kể cả ngừng hoạt động kinh doanh không báo cáo cơ quan thuế), bỏ địa chỉ kinh doanh, đã đóng mã số thuế của tháng trước liền kề.

3. Trên cơ sở đối chiếu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và thông tin của Cục Thuế cung cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cục thuế.

4. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh quá một năm mà không thông báo với cơ quan thuế, Cục thuế thông báo bằng văn bản kèm theo các giấy tờ xác minh có liên quan để Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành xử lý vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước được giao và thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp của tháng liền kề trước đó cho các cơ quan chức năng khác trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan chức năng gửi các thông tin (theo quy định khoản 3 Điều 208 Luật Doanh nghiệp) cho Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cục thuế gửi thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp từ báo cáo thuế của doanh nghiệp;

b) Các cơ quan chức năng gửi thông tin về giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp.

3. Định kỳ ngày 05 tháng thứ nhất của quý tiếp theo, các cơ quan chức năng có trách nhiệm gửi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật trong quý liền trước đó cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, nội dung vi phạm.

2. Cục Thuế công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế trên trang thông tin điện tử của Cục Thuế, đồng thời gửi thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, các cơ quan chức năng có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình (Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả), đồng thời gửi thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư trao đổi, cung cấp, công khai về thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể:

a) Địa chỉ công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư: <http://sokehoach.tuyenquang.gov.vn>

b) Địa chỉ trao đổi, cung cấp, nhận thông tin doanh nghiệp với các cơ quan chức năng tại hòm thư điện tử: kehoachdt@tuyenquang.gov.vn và phongdkkd@tuyenquang.gov.vn

3. Cục Thuế trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, cụ thể:

a) Địa chỉ công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của Cục Thuế: <http://tuyenquang.gdt.gov.vn>

b) Địa chỉ trao đổi, cung cấp, nhận thông tin doanh nghiệp với các cơ quan chức năng tại hòm thư điện tử: ttht.tqu@gdt.gov.vn và kkkt.tqu@gdt.gov.vn

4. Cơ quan chức năng khác ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này có trách nhiệm:

a) Công khai thông tin doanh nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 Quy chế này trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình theo quy định của pháp luật.

b) Gửi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đến địa chỉ hòm thư điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế theo quy định của Quy chế này.

c) Cung cấp địa chỉ hòm thư điện tử, địa chỉ trang thông tin điện tử cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai trên trang thông tin điện tử của Sở tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân truy cập để tìm hiểu.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Quy chế này; xử lý chồng chéo; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp trên phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp thuộc kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm

của mình, cơ quan chức năng phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, thời gian dự kiến thanh tra, kiểm tra.

a) Chậm nhất ngày 10 tháng 11 hàng năm, các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2 Quy chế này gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề của mình cho Thanh tra tỉnh để tổng hợp, xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2 Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của tỉnh.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

3. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp đề nghị các cơ quan này trao đổi, thống nhất thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên ngành do một cơ quan chủ trì (Thanh tra tỉnh tham mưu chỉ định cơ quan chủ trì). Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, căn cứ vào lĩnh vực cần thanh tra, kiểm tra thuộc chức năng của cơ quan nào thì do cơ quan đó chủ trì (trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định), các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo các trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư (Kèm theo thông báo phải có hồ sơ xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp để Phòng Đăng ký kinh doanh có căn cứ xử lý vi phạm theo quy định của Luật Doanh nghiệp).

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý (trong xác minh phải nêu rõ thời gian doanh nghiệp đã ngừng kinh doanh đến thời điểm xác minh);

b) Các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

c) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

Trong thời hạn 10 ngày đối với cơ quan quy định tại khoản a, b, d và 30 ngày đối với cơ quan quy định tại khoản c Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp;

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Trong tháng 01 hàng năm (trước ngày 20 tháng 01), các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh để tổng hợp) tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, địa bàn được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

4. Trong tháng 2 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

Các cơ quan chức năng có trách nhiệm thực hiện các nội dung và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Quy chế này. Xây dựng, duy trì trang thông tin điện tử của cơ quan mình để trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chức năng xây dựng, duy trì trang thông tin điện tử.

Điều 20. Kinh phí triển khai, thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan chức năng, các cá nhân, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Minh Huấn